| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 37/2021/QĐST-HNGĐ | *Đầm Dơi, ngày 07 tháng 4 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C N, xã Th T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp C N, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Ngọc B chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T G, huyện N C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không khắc phục được và đã sống ly thân gần 06 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, anh Đ, chị B nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc các đương sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung, gồm: Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/3/2010 và Nguyễn Phú H, sinh ngày 26/3/2014, do anh Nguyễn Văn Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao Quang T và Phú H cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đương và chị Bích mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Ngọc B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/3/2010 và Nguyễn Phú H, sinh ngày 26/3/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng không đặt ra.

Chị Nguyễn Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đg và chị Nguyễn Ngọc B mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được đối trừ số tiền 150.000 đồng anh Đ đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011989 ngày 30 tháng 3 năm 2021 và số tiền 150.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011990 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D (các đương sự đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- UBND xã T G, huyện N C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hồ Ngọc Yến**